

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NNMT
V/v triển khai thực hiện Thông tư
số 07/2025/TT-BTNMT ngày
28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài
nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ
sung một số điều của Thông tư số
02/2022/TT-BTNMT quy định
chi tiết thi hành một số điều của
Luật Bảo vệ môi trường

Hữu Lũng, ngày 13 tháng 3 năm 2025

Kính gửi:

- Các phòng, ban, ngành của huyện;
- Hội doanh nghiệp huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Các đơn vị thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn huyện;
- Trạm cấp nước Hữu Lũng.

Từ ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực, trong đó có một số điểm mới nổi bật sau đây:

1. Tự kiểm toán môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh

Cụ thể, bổ sung nội dung tự kiểm toán môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Điều 25a Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT như sau:

(1) Tự kiểm toán môi trường do chính cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Bảo vệ môi trường.

(2) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tiến hành tự kiểm toán môi trường theo các bước sau:

- Lập kế hoạch, xác định quy trình, nguồn lực để thực hiện kiểm toán môi trường;
- Lập danh mục, nội dung cần kiểm toán môi trường;
- Liên kết, kiểm tra các hồ sơ pháp lý hiện có và đối chiếu với hệ thống quản lý thực tế;
- Rà soát các hạng mục đã hoàn thành và đánh giá hiệu quả công việc, đưa ra các hạng mục chưa được hoàn thành và đề xuất biện pháp quản lý, xử lý;
- Thông qua báo cáo kiểm toán môi trường.

(3) Khuyến khích cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tự kiểm toán môi trường theo các nội dung sau:

- Thu thập, tổng hợp các thông tin dữ liệu về sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở;

- Đánh giá hiệu quả, khối lượng sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng, vật liệu đầu vào và nguồn phát sinh từng loại chất thải đầu ra;

- Đánh giá việc tuân thủ các quy định về kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải (kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường, phương án ứng phó sự cố môi trường); khối lượng phát sinh từng loại chất thải; biện pháp xử lý chất thải đi kèm; những vấn đề chưa đáp ứng yêu cầu về kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải;

- Đề xuất kế hoạch hành động: Kế hoạch hành động về giảm thiểu thất thoát, lãng phí nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào và giảm phát sinh chất thải; kế hoạch hành động để tuân thủ tốt hơn các quy định về kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải.

2. Phân loại chất thải sinh hoạt

Theo đó, bổ sung Điều 26a vào sau Điều 26 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (về phân loại chất thải rắn sinh hoạt khác).

Cụ thể, căn cứ vào điều kiện kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải rắn sinh hoạt và định hướng phát triển của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể lựa chọn việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt khác quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường như sau:

- Chất thải công kênh;
- Chất thải nguy hại;
- Chất thải khác còn lại.

3. Màu sắc của bao bì đựng rác

Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 30 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, theo đó, bao bì đựng các loại chất thải rắn sinh hoạt khác nhau có màu sắc khác nhau; bao bì màu xanh lá cây đựng chất thải thực phẩm, bao bì màu xám đựng chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại hoặc chất thải rắn sinh hoạt không phân loại theo quy định. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể quy định màu sắc khác, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trên địa bàn tỉnh

Không cần sử dụng bao bì nhìn thấy loại chất thải bên trong đối với chất thải công kênh:

Sửa đổi điểm đ khoản 2 Điều 30 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, theo đó, trường hợp địa phương quy định chất thải rắn sinh hoạt phải được phân loại thành nhiều loại khác nhau, chất liệu sử dụng làm bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt phải bảo đảm nhìn thấy loại chất thải đựng bên trong, quy định này không áp dụng đối với chất thải công kênh, chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại.

4. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Sửa đổi khoản 3 Điều 29 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc xây dựng, thẩm định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về giá.

- Sửa đổi Điều 31 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể, phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá.

5. Quản lý chất thải nguy hại

Thêm Điều 39a vào sau Điều 39 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, quy định kế hoạch quản lý môi trường của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại như sau:

(1) Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại lập kế hoạch quản lý môi trường theo nội dung quy định tại điểm g khoản 3 Điều 84 Luật Bảo vệ môi trường, một số nội dung được hướng dẫn chi tiết như sau:

- Kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải: Danh mục các hệ thống, thiết bị xử lý chất thải; danh mục, khối lượng chất thải được phép thu gom, xử lý; chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động; phân định, phân loại chất thải phát sinh để có biện pháp quản lý phù hợp; sơ đồ cân bằng sử dụng nước, phát sinh nước thải; sản phẩm tái chế, thu hồi từ quá trình xử lý;

- An toàn lao động, vệ sinh lao động: Biện pháp bảo vệ sức khỏe, bảo đảm an toàn cho người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; kế hoạch khám sức khỏe định kỳ hằng năm theo quy định của pháp luật về lao động;

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Công trình, thiết bị, dụng cụ phục vụ cho công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; sơ đồ tóm tắt, dạng rút gọn (hoặc dạng sơ đồ) quy trình ứng phó sự cố chất thải; việc xây dựng, ban hành và công khai kế hoạch ứng phó sự cố chất thải;

- Đào tạo, tập huấn định kỳ hằng năm: Định kỳ đào tạo; nội dung đào tạo; đối tượng đào tạo;

- Chương trình giám sát môi trường: Thời gian, thông số, tần suất quan trắc, giám sát chất thải theo quy định; việc quản lý, kiểm soát chất lượng hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục theo quy định;

- Đánh giá hiệu quả xử lý chất thải nguy hại: Kế hoạch và nội dung đánh giá sự phù hợp và hiệu quả xử lý chất thải nguy hại của hệ thống, công trình, thiết bị xử lý chất thải;

- Phương án xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường sau khi kết thúc hoạt động: Biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu tác động môi trường trong quá trình phá dỡ; phạm vi và phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

(2) Kế hoạch quản lý môi trường của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại được chủ cơ sở phê duyệt và đính kèm theo hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy phép môi trường theo quy định (chỉ phải lập một lần cùng thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy phép môi trường). Chủ cơ sở chịu trách nhiệm về nội dung của kế hoạch quản lý môi trường và cập nhật kế hoạch quản lý môi trường khi có thay đổi.

(3) Căn cứ kế hoạch quản lý môi trường, chủ cơ sở tổ chức thực hiện hoặc phân công nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường tổ chức thực hiện trách nhiệm của chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

(4) Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại tự quyết định tần suất, thời gian và hình thức đào tạo, tập huấn (tự đào tạo, tập huấn tại cơ sở hoặc cử nhân sự tham gia các khóa đào tạo, tập huấn do các đơn vị khác tổ chức).

(5) Khuyến khích chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại định kỳ đánh giá hiệu quả xử lý chất thải nguy hại để tự theo dõi, giám sát sự phù hợp và hiệu quả hoạt động của hệ thống, công trình, thiết bị xử lý chất thải.

(6) Phương án xử lý ô nhiễm và cải tạo môi trường được lựa chọn thực hiện khi chấm dứt hoạt động đối với toàn bộ cơ sở hoặc theo từng giai đoạn đối với một số khu vực xử lý chất thải, trạm trung chuyển chất thải nguy hại.

(7) Kế hoạch quản lý môi trường của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Mẫu số 06a Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02.

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn UBND cấp tỉnh đánh giá mức độ hài lòng của người dân về môi trường

Sửa đổi khoản 2 Điều 64 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể, căn cứ yêu cầu bảo vệ môi trường và nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo từng giai đoạn, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành bộ chỉ số và tài liệu hướng dẫn đánh giá kết quả công tác bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Mức độ hài lòng của người dân về chất lượng môi trường sống là một trong các nội dung của bộ chỉ số đánh giá công tác bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tự đánh giá kết quả công tác bảo vệ môi trường theo bộ chỉ số và tài liệu hướng dẫn đánh giá kết quả công tác bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin, số liệu và kết quả tự đánh giá;

- Bãi bỏ quy định sau: Bộ Tài nguyên và Môi trường mời một tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức điều tra xã hội học để đánh giá mức độ hài lòng của người dân về chất lượng môi trường sống.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập hội đồng đánh giá kết quả công tác bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thành phần của hội đồng có đại diện các bộ, cơ quan ngang bộ, đại diện cơ quan, tổ chức, chuyên gia và nhà khoa học có liên quan;

- Trên cơ sở kết quả đánh giá của hội đồng, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, phê duyệt, công bố kết quả đánh giá công tác bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(Chi tiết tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT gửi kèm theo trên Hệ thống VNPT-iOffice)

UBND huyện Hữu Lũng thông tin để các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp biết, thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở NN&MT tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Trung tâm VH, TT&TT (tuyên truyền);
- C, PVP HĐND và UBND huyện;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quốc Thắng